

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

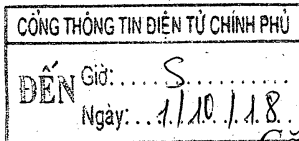
Số: 52/2018/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển
Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của Hợp tác xã, thành lập mới Hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của Hợp tác xã theo Chương trình hỗ trợ phát triển Hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 07 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2502/TTr-SKHĐT ngày 14 tháng 9 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018 và bãi bỏ Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh; Giám đốc Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế, thị xã và các huyện; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Các Bộ: TC, KH&ĐT, NN&PTNT;
- Liên minh HTX VN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Cơ quan Công báo tỉnh;
- Báo Thừa Thiên Huế;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- VPUBND tỉnh: các PCVP; các CV;
- Lưu VT, DN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 52 /2018/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ từ ngân sách của tỉnh đối với các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Các Hợp tác xã được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định này thì không được hưởng các chính sách hỗ trợ tương tự được quy định tại các văn bản Pháp luật khác, trừ các chính sách hỗ trợ không được quy định tại Quy định này, và các quy định khác cao hơn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã thành lập, đăng ký hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán, cán bộ nguồn trong các Hợp tác xã; các đối tượng đã tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng mới được tuyển dụng vào làm việc tại các Hợp tác xã.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hỗ trợ thu hút và đào tạo nguồn nhân lực

Mỗi Hợp tác xã được lựa chọn tối đa không quá 02 định mức để áp dụng hình thức hỗ trợ thu hút và đào tạo nhân lực theo quy định. Mỗi định mức chỉ được áp dụng một trong hai hình thức dưới đây:

1. Về thu hút cán bộ

a) Mức hỗ trợ mỗi tháng cho người lao động đã tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng có chuyên ngành phù hợp được Hợp tác xã tuyển dụng vào làm việc bằng mức lương tối thiểu vùng x (nhân) 50%.

b) Hỗ trợ toàn bộ tiền bảo hiểm xã hội của người lao động phải nộp theo quy định pháp luật.

c) Thời gian hỗ trợ quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 3 Quy định này là 36 tháng.

d) Điều kiện để được hỗ trợ:

- Dưới 35 tuổi;
- Cam kết bằng văn bản làm việc trong Hợp tác xã ít nhất 06 năm;
- Có hợp đồng lao động với Hợp tác xã hoặc các điều kiện quy định tại Điều 13 Luật Hợp tác xã;
- Có văn bằng Đại học, Cao đẳng và các chứng từ hợp lệ;
- Trường hợp đối tượng được hỗ trợ vi phạm cam kết làm việc, hoàn trả lại toàn bộ chi phí đã được hỗ trợ.

2. Về đào tạo cán bộ

a) Hỗ trợ đào tạo cho các chức danh trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán, cán bộ nguồn trong các Hợp tác xã với mức: Đào tạo Đại học 50 triệu đồng/người, Cao đẳng 35 triệu đồng/người. Thời điểm hỗ trợ sau khi được cơ sở đào tạo cấp văn bằng theo quy định.

b) Điều kiện để được hỗ trợ:

- Được Hợp tác xã cử đi đào tạo nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của Hợp tác xã;
- Có văn bản đăng ký, đề nghị được hỗ trợ đào tạo của Hợp tác xã;
- Dưới 40 tuổi đối với trường hợp được cử đi đào tạo;
- Cam kết bằng văn bản làm việc trong khu vực Hợp tác xã ít nhất bằng 08 năm đối với người lao động có bằng Đại học; ít nhất bằng 06 năm đối với người lao động có bằng Cao đẳng;
- Văn bằng Đại học, Cao đẳng được cơ sở đào tạo cấp;
- Trường hợp người lao động có văn bằng Đại học, Cao đẳng nhưng không thực hiện đúng cam kết làm việc, thì hoàn trả lại toàn bộ chi phí đã được hỗ trợ.

Điều 4. Hỗ trợ thành lập mới, sáp nhập Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã

Các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã thành lập mới, sáp nhập được hỗ trợ để tìm hiểu thông tin, nghiên cứu Luật Hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, xây dựng Điều lệ, Phương án sản xuất kinh doanh, tổ chức Hội nghị thành lập Hợp tác xã; các mức chi hỗ trợ thực hiện theo Điều 10 Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 19/12/2016 của Bộ Tài chính. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

1. Thành lập mới

- a) Đối với Hợp tác xã có số lượng thành viên từ 07 - dưới 50 thành viên được hỗ trợ với mức tối đa không quá 30 triệu đồng.
- b) Đối với Hợp tác xã có số lượng thành viên từ 50 - dưới 200 thành viên được hỗ trợ với mức tối đa không quá 40 triệu đồng.
- c) Đối với Hợp tác xã có số lượng thành viên từ 200 thành viên trở lên được hỗ trợ với mức tối đa không quá 50 triệu đồng.

d) Đối với việc thành lập Liên hiệp Hợp tác xã được hỗ trợ với mức tối đa không quá 30 triệu đồng.

2. Sáp nhập, hợp nhất

Các Hợp tác xã sáp nhập, hợp nhất được hỗ trợ 50% kinh phí quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 Quy định này.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Giấy chứng nhận Đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã và Sổ đăng ký thành viên, Hợp tác xã thành viên.

b) Cung cấp các chứng từ hợp lệ tương ứng các nội dung chi theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 19/12/2016 của Bộ Tài chính.

Điều 5. Hỗ trợ về hoạt động của Hợp tác xã

1. Hỗ trợ lãi suất

a) Hợp tác xã có dự án, phương án đầu tư khả thi được Ngân hàng, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, Quỹ Đầu tư phát triển và Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế (Viết tắt là tổ chức tín dụng) chấp thuận cho vay thì được hỗ trợ 100% lãi suất 01 năm đầu và 50% lãi suất 02 năm tiếp theo với mức vay tối đa không quá 01 tỷ đồng/Hợp tác xã.

b) Điều kiện để được hỗ trợ:

- Hợp tác xã hoạt động thuộc địa bàn các huyện, các thị xã, thành phố;
- Hỗ trợ lãi suất chỉ được cấp cho Hợp tác xã sau khi Hợp tác xã này đã trả nợ vay đầu tư (nợ gốc theo phân kỳ trả nợ tại Hợp đồng tín dụng và lãi vay) cho tổ chức tín dụng, không hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho các khoản nợ quá hạn (nợ từ nhóm 2 trở lên, nợ gia hạn và nợ đã cơ cấu lại, nợ khoan...);

- Có chứng từ thanh toán lãi suất theo quy định vay vốn của tổ chức tín dụng, gồm:

- + Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất tiền vay;
- + Hồ sơ pháp lý của Hợp tác xã (giấy Chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã; giấy Chứng minh nhân dân của người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã);

- + Hợp đồng tín dụng giữa Hợp tác xã và tổ chức tín dụng; các chứng từ trả nợ ngân hàng hoặc các Quỹ theo hợp đồng; Bảng tính toán lãi suất tiền vay tổ chức tín dụng;

- + Bản đối chiếu công nợ hàng năm giữa Hợp tác xã với tổ chức tín dụng kể từ thời điểm bắt đầu vay đến thời điểm đề nghị hỗ trợ; Bảng xác nhận của tổ chức tín dụng tình trạng khoản vay (thuộc nhóm nợ nào, đã gia hạn nợ, cơ cấu nợ);

- + Một số hồ sơ có liên quan khác.

2. Hỗ trợ đầu tư cơ giới hóa và nông nghiệp

a) Hỗ trợ Hợp tác xã đầu tư cơ giới hóa vào nông nghiệp như máy làm đất, máy thu hoạch, máy gieo lúa, cấy lúa, máy làm cỏ, máy đóng gói, máy sục khí, hệ thống máy sấy, bảo quản sản phẩm và các phương tiện, thiết bị phục vụ

sản xuất kinh doanh. Trường hợp những Hợp tác xã mua máy đã qua sử dụng phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 23/2015/TT-BKHCN ngày 13/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Mức hỗ trợ tiền mua máy móc thiết bị là 25% và tổng mức hỗ trợ để đầu tư cơ giới hóa vào nông nghiệp không quá 200 triệu đồng cho 01 Hợp tác xã.

b) Điều kiện để được hỗ trợ:

- Có hợp đồng mua bán và hóa đơn chứng từ kèm theo;
- Có kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án sử dụng máy móc thiết bị phù hợp với nhu cầu của Hợp tác xã;
- Thủ tục mua sắm tài sản thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Các Hợp tác xã được hỗ trợ có cam kết không được bán, chuyển nhượng tài sản đã được hỗ trợ khi chưa thực hiện xong khấu hao. Trường hợp vi phạm, hoàn trả lại số tiền đã được nhận hỗ trợ.

3. Hỗ trợ trang bị phương tiện, công cụ lao động

a) Trang bị phương tiện, công cụ lao động của Hợp tác xã tiếp nhận giải quyết việc làm cho những người lao động ở các khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị mới do nhường đất sản xuất hoặc tiếp nhận, giải quyết việc làm cho người khuyết tật. Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án không quá 50% vốn đầu tư và không quá 300 triệu đồng cho 01 Hợp tác xã.

b) Điều kiện để được hỗ trợ:

- Các Hợp tác xã tiếp nhận giải quyết việc làm cho những người lao động ở các khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị mới do nhường đất sản xuất: Tiếp nhận trên 15 người lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thừa Thiên Huế, có hợp đồng lao động từ 06 tháng trở lên;
- Các Hợp tác xã tiếp nhận, giải quyết việc làm cho người khuyết tật: Tiếp nhận những Hợp tác xã tiếp nhận, giải quyết việc làm cho người khuyết tật: Tiếp nhận từ 10 người khuyết tật trở lên có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thừa Thiên Huế, có hợp đồng lao động từ 06 tháng trở lên;
- Có hợp đồng mua bán và hóa đơn chứng từ kèm theo;
- Có kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án sử dụng máy móc thiết bị phù hợp với nhu cầu của Hợp tác xã;
- Thủ tục mua sắm tài sản thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Các Hợp tác xã được hỗ trợ có cam kết không được bán, chuyển nhượng tài sản đã được hỗ trợ khi chưa thực hiện xong khấu hao. Trường hợp vi phạm, hoàn trả lại số tiền đã được nhận hỗ trợ.

4. Hỗ trợ xúc tiến thương mại; tham gia trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý:

Các Hợp tác xã được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành “Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2020”.

5. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin

a) Hỗ trợ 100% kinh phí cho Hợp tác xã xây dựng 01 trang thông tin điện tử, mức hỗ trợ tối đa không quá 15 triệu đồng/trang.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Có hợp đồng, hóa đơn chứng từ kèm theo;
- Chỉ hỗ trợ đối với Hợp tác xã chưa có trang thông tin điện tử.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc triển khai thực hiện

1. Sở Tài chính

a) Căn cứ dự toán của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán thu, chi ngân sách tỉnh hàng năm và lồng ghép các nguồn vốn khác (nếu có).

b) Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã hướng dẫn thủ tục, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện chính sách theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ các Hợp tác xã hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện, đồng thời gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm bố trí lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, nguồn từ các chương trình, dự án có liên quan để thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với Sở, ngành liên quan chủ động lồng ghép nguồn lực đầu tư ưu tiên hỗ trợ cho các Hợp tác xã tiếp cận và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (Ủy ban nhân dân cấp huyện)

a) Hàng năm căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Quy định này, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện đồng thời gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm.

kel



b) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các nội dung tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Quy định này, chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ và quyết định chi trả kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định tại Quy định này và các quy định khác có liên quan; thực hiện thanh toán và quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

c) Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để các cấp, các ngành có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách trên địa bàn.

5. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm bố trí lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, nguồn từ các chương trình, dự án có liên quan, vốn sự nghiệp xúc tiến thương mại, sự nghiệp khoa học công nghệ để thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra kết quả triển khai thực hiện chính sách của Ủy ban nhân dân cấp huyện; tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã hàng năm theo quy định.

6. Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã

a) Hàng năm, các Hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký các nội dung có nhu cầu hỗ trợ đào tạo, thu hút cán bộ (tại Điều 3) và hỗ trợ hoạt động (tại Điều 5), thuyết minh kế hoạch sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã; phương án sử dụng kinh phí hỗ trợ và các hồ sơ có liên quan khác để Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp nhu cầu gửi Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổng hợp, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện.

b) Tổ chức thực hiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thanh toán, quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

7. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương